TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG **TỈNH T NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**07** /2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/04/2025.
v/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH T NGUYÊN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Hồng Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Hồng T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên.

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Đinh Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình P kết hôn với nhau vào tháng 6/2005, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên. Trước khi kết hôn, hai anh chị được tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn, được tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với cùng với gia đình anh P ở xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, Tỉnh T Nguyên. Hai anh chị chung sống hạnh phúc trong thời gian được khoảng 02 năm, sau đó mâu thuẫn nảy sinh, gia đình chồng thường xuyên coi thường, chửi mắng chị và nói nhiều câu ảnh hưởng đến danh dự của chị. Chị đã nhiều lần xin gia đình chồng cho ra ở riêng nhưng cả gia đình chồng chị không đồng ý và gây khó dễ cho chị. Do vậy, vợ chồng chị hay cãi nhau, chửi nhau, anh P đi làm ít

khi về nhà và hạn chế đưa tiền cho chị nuôi con. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Đến nay xác định đã hết tình cảm với anh P nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Đào Tuấn L, sinh ngày 12/5/2006. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Ý kiến của bị đơn anh P trình bày tại bản trình bày ngày 04/02/2025:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau vào tháng 6/2005, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên. Trước khi kết hôn, hai anh chị được tìm hiểu tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với cùng với gia đình anh ở xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, Tỉnh T Nguyên. Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023, sau đó mâu thuẫn nảy sinh, do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Chị T về nhà ngoại ở từ tháng 5/2024 đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T có đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Đào Tuấn L, sinh ngày 12/5/2006. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn anh Nguyễn Đình P. Bị đơn vắng mặt và không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương , tỉnh T Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Hồng T; Về án phí: Chị chị Đinh Thị Hồng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đinh Thị Hồng T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn với anh Nguyễn Đình P, cư trú tại xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương , tỉnh T Nguyên.

Anh Nguyễn Đình P mặc dù được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Đinh Thị Hồng T và anh Nguyễn Đình P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên vào ngày 24/6/2005. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống về chung sống với nhau ở xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau 1 thời gian, sau có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, nay chị xác định đã hết tình cảm, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh P.

Chị T làm đơn xin ly hôn với anh P vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm gây ra nhiều tranh cãi. Vợ chồng đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập để hòa giải nhưng anh P vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua trình bày của chị T và anh P về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh chị T và anh P thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng hay tranh cãi. Như vậy, chị T và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay chị T và anh P không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống, anh P cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Nguyễn Đào Tuấn L, sinh ngày 12/5/2006. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Đình P. Chị T được ly hôn với anh P.

2.2. Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Nguyễn Đào Tuấn L, sinh ngày 12/5/2006. Con chung đã trưởng thành, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0004689 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.5. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Đình P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T Nguyên;
- VKSND tỉnh T Nguyên;
- VKSND h. Phú Lương;
- Chi cục THADS h. Phú Lương
- Các đương sự;
- UBND xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh T Nguyên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Lý